TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 20 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 20 / 03/2023
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến
Các Hội thẩm nhân dân:
[1] Bà Lê Thị Thận.
[2] Ông Trần Đức Hòa.
Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 39/2023/ TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 2 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15 /2023/QĐST – HNGĐ ngày 7 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Thanh T; Sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại : Thôn 2, xã B, huyện Bù Đ , tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: chị Lê Thị T; Sinh năm: 1991(vắng mặt)
HKTT : Thôn 2 , xã B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước.
Địa chỉ theo thẻ căn cước công dân: Thôn 7, Đắk S, Đắk R L, tỉnh Đắk Nông.
Nơi ở hiện nay: Tổ 18, khu phố P, phường M , Thị xã P M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Tôi và cô Lê Thị Ttự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước ngày 04/5/2015, số đăng ký 27, quyển số1/2015, quá trình sống chung đến năm 2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau, sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Lê L N, sinh ngày 09/2/ 2016, nguyên vọng anh Nguyễn Thanh T nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.
Về tài sản chung, không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày nội dung đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: anh Nguyễn Thanh Tcó đăng ký kết hôn với chị Lê Thị T, nay nguyên đơn xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là " Tranh chấp ly hôn", theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng anh Nguyễn Thanh Tvà chị Lê Thị Ttự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh Tvà chị Lê Thị Tlà hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Nguyễn Thanh Tvà chị Lê Thị Tđã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh Tđược ly hôn với chị Lê Thị T.

[4] Về con chung: Theo nguyện vọng của các đương sự, giao cháu Nguyễn Lê L N, sinh ngày 09/2/ 2016 cho anh Nguyễn Thanh Tchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

[5]Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6]Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[7]Về án phí: anh Nguyễn Thanh Tnộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh Tđược ly hôn với chị Lê Thị Tính.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê L N, sinh ngày 09/2/ 2016 cho anh Nguyễn Thanh Tchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: anh Nguyễn Thanh Tnộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000911 ngày (đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến